

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/KDTM-PT
Ngày: 31-8-2023
V/v: Tranh chấp giữa thành viên
Công ty cổ phần với Công ty cổ phần
về vốn góp của cổ đông

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán:

Ông **Trương Công Thi**

Ông **Nguyễn Tấn Long.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 31-8-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2023/TLPT-KDTM ngày 12-6-2023 về “Tranh chấp giữa thành viên Công ty cổ phần với Công ty cổ phần về vốn góp của cổ đông”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 07-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2947/2023/QĐXX-PT ngày 03-8-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số D L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trần Ngọc V; sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số E (Tầng A) L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

Công ty Cổ phần B; địa chỉ: Số A W, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình T - Chức vụ: Giám đốc điều hành.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Lê Văn T1; địa chỉ cư trú: Số B Ú, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tôn Thất Quỳnh H, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Số H C, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

Anh Trần Đức T2; sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Số I N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: địa chỉ: Số F T, tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3. Bà Mẫn Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số F T, tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Tháng 3-2017, Công ty Cổ phần B (sau đây viết tắt là Công ty B) được thành lập gồm có 7 cổ đông đăng ký tham gia góp cổ phần do ông Tôn Thất Quỳnh H làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện pháp luật. Ông H là người trực tiếp điều hành và quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

Tháng 6-2017, Công ty B huy động vốn nhằm phục vụ cho việc xây dựng, hoàn thiện và mua sắm trang thiết bị y tế để phục vụ cho hoạt động của Bệnh viện. Do gia đình bà (P) và ông Tôn Thất Quỳnh H là chỗ thân tình, nên ông H giới thiệu để bà góp cổ phần tăng thêm vào công ty. Tin tưởng vào khả năng phát triển của công ty, tin tưởng ông H, nên bà đồng ý góp cổ phần.

Tháng 9-2017, bà nhờ ba mẹ ruột của bà vay 5.000.000.000 đồng để bà góp cổ phần vào Công ty B. Tin tưởng ông H là chỗ quen thân, nên khi đưa tiền góp vốn bà đều đưa cho ông H bằng tiền mặt (có một lần bà chuyển vào tài khoản công ty theo yêu cầu của ông H số tiền 700.000.000 đồng). Tổng số tiền bà đã góp cổ phần là 5.000.000.000 đồng, tương đương với 500.000 cổ phần của công ty. Sau khi bà góp đủ 5.000.000.000 đồng, ngày 24-11-2017, công ty đã thực hiện ghi vào sổ Đăng ký cổ đông tham gia góp vốn (cổ đông thứ tám) với đầy đủ thông tin cổ đông: Nguyễn Thị Diễm P (nữ), giá trị vốn góp 5.000.000.000 đồng, tương đương 500.000 cổ phần. Cùng ngày 24-11-2017, công ty phát hành Giấy chứng nhận cổ đông, chứng nhận cho bà sở hữu số 500.000 cổ phần, loại cổ phiếu tự do chuyển nhượng, do ông Tôn Thất Quỳnh H là Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện công ty ký và đóng dấu công ty.

Từ giữa năm 2017 đến đầu năm 2018, khi đó công ty đang trong quá trình xây dựng Bệnh viện, nên bà đã tham gia quản lý, giám sát việc xây dựng và hoạt động của công ty. Trong năm 2017 và năm 2018, bà cũng được công ty mời tham gia các

cuộc họp cổ đông góp vốn. Đến giữa năm 2018, do bận công việc và chuyển ra Quảng Ninh công tác, nên bà không tham gia vào việc quản lý tại công ty N1 và cũng không tham dự các cuộc họp của Công ty.

Sau đó, do không thấy Công ty B mời bà tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nên bà liên hệ tìm hiểu thì được thông báo là cổ phần của bà tại công ty đã được công ty tự ý chuyển nhượng cho người khác. Bà yêu cầu công ty cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của bà, nhưng công ty không cung cấp. Bà đã liên hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh G để tìm hiểu thông tin, thì được biết hiện tại danh sách cổ đông công ty không có tên bà.

Việc công ty tự ý chuyển nhượng cổ phần của bà mà không được sự đồng ý của bà là coi thường pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích chính đáng của bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án:

1. Buộc Công ty Cổ phần B trả lại cho bà 500.000 cổ phần, tương đương số vốn góp cổ phần tại thời điểm góp vốn là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng chẵn).

2. Buộc Công ty Cổ phần B - Gia Lai chia cho bà khoản cổ tức từ năm 2017 đến nay mà bà được hưởng. Đối với khoản cổ tức, do công ty không cung cấp hồ sơ có liên quan và bà cũng không tự thu thập được tài liệu, nên bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

- Bị đơn trình bày:

Quá trình thành lập Công ty Cổ phần B - Gia Lai được chia thành 2 giai đoạn:

- Từ ngày thành lập, ngày 03-3-2017 đến tháng 3-2019 (Giai đoạn góp vốn mua cổ phần, điều chỉnh vốn góp của các cổ đông sáng lập công ty).

- Từ tháng 3-2019 đến nay (Giai đoạn chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập cho các cổ đông hiện hữu tại công ty H3).

1. Giai đoạn từ ngày 03-3-2017 đến tháng 3-2019:

- Công ty Cổ phần B thành lập ngày 03-3-2017 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng), công ty C (Số đăng ký cổ đông lần đầu ngày 03-3-2017 và Điều lệ công ty lần thứ nhất). Được cấp Giấy đăng ký kinh doanh số 5901055483 ngày 03-3-2017, đại diện theo pháp luật là ông Tôn Thất Quỳnh H.

Công ty có ngành nghề đăng ký kinh doanh ban đầu là: Bệnh viện khám, chữa bệnh chuyên khoa Mắt (8610); địa chỉ trụ sở chính tại: Số A W, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đến tháng 11-2017, hai cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần C1 và Công ty TNHH C2 chuyển nhượng cổ phần cho bà Mẫn Thị L và rút tên khỏi danh sách cổ đông, Công ty còn 06 cổ đông (Số đăng ký cổ đông lần 2, ngày 09-11-2017).

- Đến tháng 02-2018, do các cổ đông sáng lập không đóng đủ số vốn đã đăng ký khi thành lập, nên công ty có thay đổi: Giảm vốn điều lệ theo thực tế số tiền đã đóng vào công ty của các cổ đông đã đăng ký mua với số tiền là 12.534.000.000 đồng, tương ứng 1.253.400 cổ phần.

Công ty tiến hành đăng ký thay đổi Giấy đăng ký doanh nghiệp số 590105545, ngày 25-12-2018 (lần 2), đại diện theo pháp luật là ông Tôn Thất Quỳnh H.

Cổ đông công ty có thay đổi là:

+ Ông Nguyễn Đức Tuấn A, ông Nguyễn Tiến N không đóng tiền theo đăng kí góp vốn thành lập công ty, nên rút khỏi danh sách cổ đông công ty.

+ Bà Mẫn Thị L chuyển nhượng cổ phần cho bà Hoàng Thị S và rút tên cổ đông khỏi công ty.

-+ Bà Hoàng Thị S chuyển nhượng cổ phần cho ông Lê Đình T và rút tên cổ đông khỏi công ty.

2. Giai đoạn từ tháng 03-2019 đến nay:

- Đến tháng 03-2019, Công ty Cổ phần B có thay đổi về người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lê Đình T (Giấy đăng ký kinh doanh số 5901055483 ngày 04-3-2019 (lần 3).

Cổ đông công ty có thay đổi là: Ông Lê Đình T chuyển nhượng một phần cổ phần của mình cho bà Bùi Thị Hải H1; nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Nam T3, ông Dương Phú Q và bà Nguyễn Hồ Việt L1; cổ đông Tôn Thất Cẩm T4 nhận chuyển nhượng và chuyển nhượng cổ phần từ Dương Phú Q, Nguyễn Hồ Việt L1... Sự thay đổi cổ đông được cập nhật trong Sổ đăng ký cổ đông lần 3 ngày 29-4-2019, lần 4 ngày 29-6-2019, lần 5 ngày 28-7-2020.

- Đến tháng 01-2021, ông Tôn Thất Quỳnh H chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình cho ông Tôn Thất Cẩm T4 và rút tên cổ đông khỏi công ty.

- Đến tháng 7-2021, công ty có thay đổi về vốn điều lệ, tăng lên 23.000.000.000 đồng, vốn điều lệ công ty là: 35.534.000.000 đồng, số cổ đông công ty chỉ còn lại 4 cổ đông; đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty là ông Lê Đình T.

- Đến tháng 6-2022, ông Tôn Thất Cẩm T4 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho bà Bùi Thị Hải H1 và rút tên khỏi danh sách cổ đông công ty.

Hiện công ty có 3 cổ đông với tỷ lệ vốn sở hữu cổ phần như sau:

+ Ông Lê Đình T: Sở hữu 825.680 cổ phần, chiếm 23,24 %;

+ Bà Bùi Thị Hải H1: Sở hữu 1.066.020 cổ phần, chiếm 75 %;

+ Bà Nguyễn Hồ Việt L1: Sở hữu 62.670 cổ phần, chiếm 1,76%;

Về các nội dung khởi kiện của nguyên đơn, công ty có ý kiến như sau:

Về yêu cầu buộc Công ty Cổ phần B trả lại số cổ phần là 500.000 cổ phần, tương ứng số tiền 5 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần B không phải là chủ sở hữu cổ phần của các cổ đông, mà cổ phần tại công ty thuộc quyền sở hữu của các cổ đông góp vốn hoặc nhận chuyển nhượng để trở thành cổ đông, tham gia quản lý tại công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp - Loại hình Công ty cổ phần.

Hiện nay, hơn 98% cổ phần tại công ty thuộc sở hữu và điều hành của các cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông sáng lập của công ty và các cổ

đồng sáng lập công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình, rút tên khỏi danh sách cổ đông, danh sách điều hành tại công ty từ lâu.

Theo các hồ sơ còn lưu lại tại công ty như: Sổ đăng ký cổ đông, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị về giảm số vốn góp từ 50 tỷ (5.000.000 cổ phần), cũng như các lần họp đại hội xuống còn 12.534.000.000 (1.253.400 cổ phần) cho phép cổ đông đồng sáng lập được chuyển nhượng cổ phần năm 2017 và 2018, Điều lệ Công ty lần thứ nhất đến Điều lệ hiện hành (lần 7) ... đều không có tên bà Nguyễn Thị Diễm P.

Như vậy, việc bà Nguyễn Thị Diễm P cho rằng mình là cổ đông của Cổ phần Bệnh viện B - Gia Lai có góp số vốn 500.000 cổ phần khi thành lập công ty (bằng 10% trên số vốn điều lệ 50 tỷ đồng khi đăng ký thành lập công ty), tương ứng số tiền 5 tỷ đồng là không có căn cứ pháp lý, không có trong hồ sơ lưu và bàn giao, chuyển nhượng giữa các cổ đông với nhau... hơn nữa, số vốn điều lệ của công ty tại thời điểm tháng 02-2018 đã giảm xuống còn 12.534.000.000 đồng, tương ứng 1.253.400 cổ phần, công ty có cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét nội dung quan trọng này, nhưng cũng không có thông tin về bà Nguyễn Thị Diễm P có tham dự hoặc có sở hữu cổ phần tại công ty....

Ngoài ra, tại thời điểm năm 2017 và năm 2018, công ty là loại hình Công ty cổ phần có 07 cổ đông sáng lập, doanh nghiệp mới thành lập và hoạt động trong vòng 03 năm, việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập, hoặc kêu gọi góp vốn từ bên ngoài vào công ty đều bắt buộc phải thông qua Đại hội đồng cổ đông quyết định... Tuy nhiên, trong tất cả các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị cho phép các cổ đông sáng lập được chuyển nhượng cổ phần, giảm số vốn điều lệ đăng ký ban đầu theo thực tế số vốn đã góp của các cổ đông sáng lập tại thời điểm đó, cũng không có thông tin về bà Nguyễn Thị Diễm P có sở hữu cổ phần tại công ty.

Theo hồ sơ lưu trữ tại công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, thì việc bà Nguyễn Thị Diễm P xác định mình là cổ đông của công ty là không có căn cứ pháp lý, không đúng quy định pháp luật. Bà P còn cho rằng công ty đã tự ý chuyển nhượng cổ phần của bà lại càng không có căn cứ pháp lý, bởi “Công ty cổ phần” không phải là chủ thể sở hữu cổ phần góp vốn vào công ty, mà cổ phần góp vốn vào công ty thuộc sở hữu của các cổ đông... nên công ty không thể “Tự ý chuyển nhượng cổ phần” của bà P được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà P là không có căn cứ pháp lý để công ty xem xét theo quy định pháp luật.

Về chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là giấy “Cổ đông thứ 8” và “Giấy chứng nhận cổ phần” do ông Tôn Thất Quỳnh H (Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty, đại diện pháp luật thời điểm đó) ký ngày 24-11-2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Diễm P được sở hữu 500.000 cổ phần, tương ứng giá trị 5 tỷ đồng, các giấy tờ này công ty không lưu trữ, không cập nhật trong sổ đăng ký cổ đông, không thông qua Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, không đăng ký với cơ quan chức năng, nên không có giá trị pháp lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc phát hành 02 giấy “Cổ đông thứ 8” và “Giấy chứng nhận cổ phần” thuộc trách nhiệm cá nhân của những người liên quan là các cổ đông sáng lập, người quản lý

doanh nghiệp thời điểm đó trong việc xác định giá trị số vốn góp và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông (nếu có), chứ không phát sinh trách nhiệm với công ty.

Tuy nhiên, năm 2019, công ty có thông tin khi Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh G đến xác minh về “Cổ đông thứ 8” theo đơn tố cáo ông Tôn Thất Quỳnh H của bà Nguyễn Thị Diễm P. Vụ việc đã được Phòng C - Công an tỉnh G có kết luận xác minh. Hiện hồ sơ vụ việc và kết luận cụ thể được lưu trữ tại Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh G.

Về yêu cầu buộc Công ty Cổ phần B chia cổ tức từ năm 2017 đến nay: Như trên đã trình bày, do bà Nguyễn Thị Diễm P không có tên trong danh sách cổ đông của công ty từ khi thành lập cho đến nay, nên việc bà P yêu cầu chia cổ tức là không có căn cứ pháp lý để công ty thực hiện.

Vì vậy, công ty đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nếu nguyên đơn thấy quyền lợi của mình bị ảnh hưởng từ việc nộp tiền góp vốn vào công ty và được cấp giấy “Cổ đông thứ 8”, “Giấy chứng nhận cổ phần” và đã nộp đủ tiền mua cổ phần, thì bà P có nghĩa vụ chứng minh đã nộp tiền cho cổ đông/cá nhân nào, nộp bao nhiêu tiền, tiền nộp vào công ty nằm trong cổ phần của ai tại công ty thời điểm đó... bà P có quyền khởi kiện các cổ đông/cá nhân đã nhận tiền của bà năm 2017 để giải quyết theo quy định pháp luật dân sự. Công ty không phải là chủ thể có quyền quyết định/định đoạt cổ phần của các cổ đông trong công ty khi góp vốn mua và sở hữu cổ phần tại công ty theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tôn Thất Quỳnh H trình bày:

Ông Tôn Thất Quỳnh H có các lời khai vào năm 2017, ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần B. Hiện tại ông không còn cổ phần và không làm việc tại công ty.

Công ty được thành lập ngày 03-3-2017, gồm 05 cổ đông; các cổ đông sáng lập gồm: Tôn Thất Quỳnh H, Công ty Cổ phần C1, Công ty TNHH C2, ông Dương Phú Q và ông Tôn Thất Cẩm T4. Không nhớ rõ lần thay đổi của công ty.

Sau đó, năm 2020, ông chuyển nhượng lại 24% cổ phần của công ty cho ông Tôn Thất Cẩm T4. Tại thời điểm này, công ty có 05 cổ đông và việc chuyển nhượng cổ phần có lập biên bản. Năm 2017, khi ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông có ký “Giấy chứng nhận cổ đông” cổ phiếu ghi tên người sở hữu là Nguyễn Thị Diễm P và “Sổ đăng ký cổ đông tham gia góp vốn” tên Nguyễn Thị Diễm P ngày 14-11-2017.

Vào thời điểm đó thủ tục góp vốn vào Công ty như sau: Người góp vốn nộp tiền, công ty xuất phiếu thu, ghi nhận phần vốn góp, không có sổ đăng ký cổ đông và không có Giấy chứng nhận cổ đông, còn sau này thủ tục thế nào ông không rõ. Công ty có xuất phiếu thu cho các cổ đông khác khi họ góp vốn, còn bà P thì công ty không xuất phiếu thu, vì bà P không nộp tiền, góp vốn. Ông có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị P là không có căn cứ, vì bà P không phải là cổ đông của công ty, số cổ phần đó là do ông Nguyễn Văn P1 nhờ công ty ký Giấy chứng nhận “Cổ đông cho bà P để

ông P1 vay tiền bà P”, ông P1 là cổ đông sáng lập của công ty. Việc ông P1 nhờ ông ký giấy chứng nhận cổ đông cho bà P chỉ nói bằng miệng không lập thành văn bản.

Các chứng cứ liên quan đến việc tranh chấp này hiện đang do Công an tỉnh G nắm giữ và Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai cũng đã thu thập chứng cứ tại Cơ quan Công an (Phòng Kinh tế) đầy đủ. Ông thừa nhận việc ông ký giấy chứng nhận cổ đông cho bà P là sai, nhưng vì tin tưởng vào cổ đông nên ông mới ký. Ngoài ông không trình bày gì thêm.

2. Đối với ông Nguyễn Văn P1 và bà Mẫn Thị L:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, nhưng cả hai thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của họ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần B và ông Tôn Thất Quỳnh H liên đới trả lại số tiền đóng góp cổ phần là 5.000.000.000 đồng, rút yêu cầu chia cổ tức.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 07-4-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai:

Áp dụng khoản 4 Điều 30, Điều 37 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 111, 112, 113, 114, 119, 136, 162 và 166 của Luật Doanh nghiệp 2014; các Điều 134, 135, 139, 141 274, khoản 4 Điều 275 và Điều 579 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm P về yêu cầu chia cổ tức.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm P về việc “Tranh chấp giữa thành viên Công ty cổ phần với Công ty cổ phần về vốn góp của cổ đông”, giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm P với bị đơn là Công ty Cổ phần B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tôn Thất Quỳnh H, ông Nguyễn Văn P1 và bà Mẫn Thị L.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm P về yêu cầu Công ty Cổ phần B và ông Tôn Thất Quỳnh H liên đới trả cho bà số tiền 4.300.000.000 đồng.

4. Buộc ông Tôn Thất Quỳnh H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm P số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12-4-2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm P kháng cáo toàn bộ bản án.

- Ngày 18-4-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tôn Thất Quỳnh H và ông Trần Đức T2 là người đại diện theo ủy quyền của ông H kháng cáo một phần bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Diễm P) kháng cáo toàn bộ bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tôn Thất Quỳnh H và ông Trần Đức T2 là người đại diện theo ủy quyền của ông H kháng cáo một phần bản án. Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty Cổ phần B và ông Tôn Thất Quỳnh H liên đới bồi thường cho nguyên đơn 500.000 cổ phần, tương đương số vốn góp cổ phần tại thời điểm góp vốn là 5.000.000.000 đồng; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị không chấp nhận yêu cầu “Buộc ông Tôn Thất Quỳnh H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm P số tiền 700.000.000 đồng”. Như vậy, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm P.
- Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tôn Thất Quỳnh H và người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Trần Đức T2.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

Do cả nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo, đều tranh chấp về số tiền đóng góp mua cổ phần, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết cùng nội dung.

[2.1]. Về tố tụng:

Công ty Cổ phần B được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh G cấp “Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần” lần đầu ngày 03-3-2017, thay đổi lần 5 ngày 07-7-2022 với vốn điều lệ là 35.534.000.000 đồng, do ông Lê Đình T - Giám đốc điều hành và là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trong quá trình hoạt động, ngày 24-11-2017, bà Nguyễn Thị Diễm P góp vốn và được Công ty cấp “Giấy chứng nhận cổ đông - Cổ đông thứ tám”, với 500.000 cổ phần (5.000.000.000 đồng) và cho rằng công ty không lập danh sách đăng ký cổ đông tên của bà P, không mời bà P dự họp cổ đông, nên bà P khởi kiện yêu cầu công ty trả lại số tiền bà góp vốn và chia cổ tức từ năm 2017 đến nay cho bà. Tòa án nhân dân

tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp giữa thành viên Công ty cổ phần với Công ty cổ phần về góp vốn của cổ đông” là đúng quy định tại khoản 4 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 111, 112, 114 và 119 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án ông Tôn Thất Ngọc H2 đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Văn P1 và bà Mẫn Thị L, Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai đưa ông P1 và bà L tham gia tố tụng, nhưng ông P1 và bà L đã thay đổi địa chỉ cư trú, đại diện cho nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của ông P1 và bà L, do đó Toà án phải hoãn phiên toà và triệu tập nhiều lần nhưng ông P1 và bà L không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai căn cứ các quy định tại các Điều 68, 73, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quá trình thành lập và số vốn góp:

Công ty Cổ phần B được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh G cấp “Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần” lần đầu ngày 03-3-2017, vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng, do ông Tôn Thất Quỳnh H làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT), kiêm Giám đốc. Công ty gồm các cổ đông sáng lập: (1) Ông Tôn Thất Quỳnh H, (2) Công ty Cổ phần C1, (3) Công ty TNHH C2, (4) Ông Dương Phú Q, (5) Ông Tôn Thất Cẩm T4, (6) Ông Nguyễn Đức Tuấn A và (7) Ông Nguyễn Tiến N. Ngày 09-11-2017, Công ty B1 Sổ đăng ký cổ đông gồm có các ông: Hanh, Q, T4, A, N và bà Mẫn Thị L (bà L là vợ của ông Nguyễn Văn P1, đứng tên thay Công ty Cổ phần C1 và Công ty TNHH C2. Ngày 26-02-2018, công ty tổ chức họp HĐQT với nội dung xác thực số tiền đóng góp và tương ứng giá trị cổ phần tỷ lệ góp vốn của các thành viên tại công ty với số vốn điều lệ 12.534.000.000 đồng gồm: (1) Bà Mẫn Thị L 5.571.000.000 đồng, tương ứng 42%, (2) Ông Tôn Thất Quỳnh H 2.925.000.000 đồng, tương ứng 24%, (3) Ông Dương Phú Q 1.728.000.000 đồng, tương ứng 24%, (3) Ông Nguyễn Nam T3 1.300.000.000 đồng, tương ứng 12%, (4) Ông Tôn Thất Cẩm T4 750.000.000 đồng, tương ứng 6% và (5) Bà Nguyễn Hồ V1 260.000.000 đồng, tương ứng 02%. Công ty Đ và được cấp Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ hai ngày 25-12-2018 và lần thứ ba ngày 03-4-2019, số vốn điều lệ sửa đổi còn 12.534.000.000 đồng. Đến nay, công ty đã đăng ký cấp Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ năm, thay đổi điều lệ công ty lần 7. Mặc dù, bà Nguyễn Thị Diễm P được công ty cấp sổ đăng ký cổ đông tham gia góp vốn cổ đông lần thứ tám và Giấy chứng nhận cổ đông ngày 24-11-2017, với số cổ phần 500.000 cổ phần, nhưng bà P không được công ty ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông và điều lệ công ty từ khi đăng ký và đến khi được cấp Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngoài ra, qua các biên bản họp HĐQT và biên bản họp đại hội đồng cổ đông đều không có tên bà Nguyễn Thị Diễm P. Do đó, có cơ sở để khẳng định bà P không phải là cổ đông đồng sáng lập cũng như cổ đông phổ thông hợp pháp tại công ty.

[2.2]. Về số tiền góp vốn của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Diễm P cho rằng tháng 6-2017, Công ty B huy động vốn nhằm phục vụ cho việc xây dựng, hoàn thiện và mua sắm trang thiết bị y tế để phục vụ cho hoạt động của Bệnh viện. Do đó, tháng 9-2017, bà góp cổ phần vào Công ty B 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) bằng tiền mặt (trong đó có một lần chuyển vào tài khoản công ty 700.000.000 đồng). Tuy nhiên, tại thời điểm này công ty không có bất kỳ văn bản và hồ sơ nộp đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh G về việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn và đăng ký tăng vốn. Ngoài ra, các hồ sơ lưu giữ tại Công ty B cũng không có bất kỳ biên bản họp đại hội đồng cổ đông thể hiện việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho bà Nguyễn Thị Diễm P.

Đến tháng 02-2018, Công ty B thực hiện giảm vốn từ 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng) xuống còn 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng), các biên bản họp và nghị quyết được nộp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh G hoàn toàn không có sự tham gia của bà Nguyễn Thị Diễm P với tư cách là cổ đông công ty; đồng thời, các lần thay đổi Giấy chứng nhận tiếp theo cũng không có sự tham gia của bà Nguyễn Thị Diễm P.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, số cổ phần sở hữu của cổ đông Mẫn Thị L tại Công ty B là 5.571.000.000 đồng, được xác định qua các lần nộp tiền mặt, trong đó có lần nộp tiền vào tháng 9-2017, ghi nhận 700.000.000 đồng là tiền thanh toán cổ phần của cổ đông Mẫn Thị L, do bà Nguyễn Thị Diễm P (là em dâu bà L) nộp vào tài khoản công ty. Sau khi bà P nộp tiền, ông Nguyễn Văn P1 thông báo vợ chồng ông đã đóng góp 700.000.000 đồng và nhờ ông Tôn Thất Quỳnh H thông báo nội dung bà Nguyễn Thị Diễm P thay mặt vợ chồng ông Nguyễn Văn P1, bà Mẫn Thị L góp thêm 700.000.000 đồng vào Công ty B để thanh toán tiền máy cho Công ty TNHH T5 (bút lục số 285). Vì vậy, số tiền 700.000.000 đồng này nằm trong tổng số tiền 5.571.000.000 đồng, trị giá 42% cổ phần của vợ chồng ông Nguyễn Văn P1, bà Mẫn Thị L, sau đó vợ chồng ông P1, bà L đã chuyển nhượng hết số cổ phần này cho bà Hoàng Thị S; đồng thời, việc bà Nguyễn Thị Diễm P nộp 700.000.000 đồng vào tài khoản Công ty B đã được kết luận tại Bản kết luận giải quyết nguồn tin về tội phạm ngày 13-6-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G: “Ông Tôn Thất Quỳnh H hạch toán, ghi nhận số tiền này vào số tiền mà ông Nguyễn Văn P1 đóng góp...”. Ngoài ra, khoản tiền 700.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Diễm P chuyển vào tài khoản của Công ty B không ghi rõ nội dung chuyển tiền, không có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận giữa ông Tôn Thất Quỳnh H (đại diện theo pháp luật công ty) với bà P về nội dung thanh toán tiền để mua cổ phần của công ty.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để khẳng định số tiền 700.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Diễm P nộp vào tài khoản của Công ty B - Gia Lai là nộp vào số cổ phần của vợ chồng ông Nguyễn Văn P1, bà Mẫn Thị L và sau đó bà L đã ký ủy nhiệm chi, chi số tiền này để thanh toán tiền máy theo Hợp đồng số 01/TBYT/MN-VNMQTSGGL cho công ty TNHH T5; mặc dù, ông Tôn Thất Quỳnh H xác nhận số tiền này do bà P nộp, nhưng ông H không sử dụng khoản tiền trên cho mục đích cá nhân. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai: “Buộc ông Tôn Thất Quỳnh H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm P

700.000.000 đồng” là không có căn cứ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Như vậy, kháng cáo của ông Tôn Thất Quỳnh H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận; kháng cáo của bà Nguyễn Thị Diễm P không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác được thực hiện theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 07-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Diễm P phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; đồng thời, do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Nguyễn Thị Diễm P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, tương ứng với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Ông Tôn Thất Quỳnh H và người đại diện theo ủy quyền được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm P.

- Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tôn Thất Quỳnh H và kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của là ông Trần Đức T2.

- Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 07-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Căn cứ các Điều 122, 134, 135, 139 và 141 của Bộ luật Dân sự; các Điều 110, 111, 113, 118, 136 và 162 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm P về việc: Buộc Công ty Cổ phần B và ông Tôn Thất Quỳnh H liên đới bồi thường cho nguyên đơn 500.000 cổ phần, tương đương số vốn góp cổ phần tại thời điểm góp vốn là 5.000.000.000 đồng.

3. Các quyết định khác được thực hiện theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 07-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị Diễm P phải chịu 113.000.000 đồng (một trăm mười ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000150 ngày 17-8-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; bà Nguyễn Thị Diễm P còn phải nộp 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ông Tôn Thất Quỳnh H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

4.2. Án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Diễm P phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000266 ngày 20-4-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, nay được chuyển thành án phí; bà Nguyễn Thị Diễm P đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Ông Tôn Thất Quỳnh H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; trả lại ông Tôn Thất Quỳnh H 2.000.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000272 ngày 28-4-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường